TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thỏa;

2. Bà Đỗ Thị Ấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS, ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai N; Sinh năm: 1991; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày; CCCD số: 002191006561 do Cục CSQLHCVTTXH – BCA cấp ngày 23/02/2022; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vùi Xuân D; Sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Nùng; CMND số: 073094140 cấp ngày 05/11/2010 tại Công an tỉnh Hà Giang; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/4/2023, bản tự khai ngày 13/4/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Vùi Xuân D, sinh năm 1987, địa chỉ nơi cư trú tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang qua quá trình tìm hiểu, chị N

và anh D được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang vào ngày 10/12/2013. Vợ chồng có với nhau một con chung là cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vào tháng 9/2018 anh D tự ý bỏ nhà đi đến nay không rõ anh D đi đâu, làm gì, không có tin tức. Chị N và gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng vẫn không rõ tung tích, nên chị N đã làm đơn yêu cầu giải quyết tuyên bố anh Vùi Xuân D mất tích. Ngày 16/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Y đã ra Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với anh Vùi Xuân D, nay chị N cần ổn định cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Vùi Xuân D.

Về con chung: Chị N xác nhận, chị và anh D có một con chung là cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014. Chị N đề nghị sau khi ly hôn chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vùi Xuân D đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 03/2023/QĐST-VDS ngày 16/3/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Vùi Xuân D nhưng anh D không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2023 đối với ông Nguyễn Văn C – Trưởng Công an thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Anh Vùi Xuân D, sinh năm 1987 có địa chỉ tại tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhưng từ năm 2018 cho đến nay anh D tự ý bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, nay không có tin tức gì về anh Vùi Xuân D đang ở đâu, làm gì. Chị Nguyễn Thị Mai N và anh Vùi Xuân D có một con chung là cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014, từ khi anh D bỏ đi, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay cháu Nhi đang học tại trường tiểu học thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Cháu Vùi Nguyễn Thảo N có đơn nguyện vọng xin được ở cùng mẹ vì mẹ yêu thương chăm sóc cháu từ trước đến nay và bố cháu không ở nhà nên bố mẹ cháu ly hôn, cháu mong muốn được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai N, cho chị N được ly hôn với anh Vùi Xuân D. Về con chung: Giao cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Mai N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Vùi Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Mai N.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vùi Xuân D, nơi cư trú cuối cùng tại tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vùi Xuân D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai N và anh Vùi Xuân D có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mai N và anh Vùi Xuân D là hợp pháp.

[4] Bị đơn anh Vùi Xuân D đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 03/2023/QĐST-VDS ngày 16/3/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mai N là vợ của anh Vùi Xuân D là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với anh D

của chị N là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai N xác nhận chị và anh Vùi Xuân D có một con chung là cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014, ly hôn chị N có yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2018 anh D bỏ nhà đi đến nay chị N vẫn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ngoài ra cháu Nhi có đơn nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn, nên yêu cầu được nuôi con của chị N là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai N xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Nguyễn Thị Mai N ngày 13/4/2023 vì chị N là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) sinh sống ở Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Mai N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai N được ly hôn với anh Vùi Xuân D.

2. Về con chung: Giao cháu Vùi Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Mai N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Vùi Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Mai N.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã L, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Vĩnh